TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HN** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2019/HS-ST Ngày 15-10-2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN,TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Diễm Thúy;

2. Ông Lê Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2019/TLST-HS, ngày 13 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Lê Vũ L, sinh năm 1998 tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp An Lợi, xã AB A, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Lê Văn Th, sinh năm 1965 (chết) và bà Trần Minh H, sinh năm 1965; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: Có 06 người, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Tạm giữ: Từ ngày 01/7/2019 đến ngày 06/7/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Tạm giam: Không (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1968 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp LT, xã LK B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan*: Đặng Thị L, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Nơi cứ trú: Ấp AL, xã AB A, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Phan Văn L, sinh năm 1950 (có mặt);

2. Phan Văn Th, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp AH, xã AB A, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lý Văn N, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm AT, phường AL, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp;

4. Ngô Hồng Ph, sinh năm 1992 (vắng mặt);

5. Nguyễn Ngọc Nh, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp LT, xã LK B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 01/7/2019 Lê Vũ L điều khiển xe gắn máy mang biển kiểm soát 70SA - 0630 chở L Văn N (xe do N làm chủ sở hữu) từ nhà thuộc ấp AL, xã AB A, thị xã HN đến ao cá của ông Phan Văn Lý thuộc ấp AH, xã AB, thị xã HN, mục đích tìm cây làm nạn thun. Khi đến nơi L giao trả xe lại cho N rồi đi tìm cây làm nạn thun còn N vào ao cá phụ giúp ông Lý cân cá. Cùng thời điểm này chị Nguyễn Thị Ng điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 66H1-121.17 bên trong cốp xe theo chị Nguyễn Thị Ng trình bày là có để số tiền 19.000.000đồng đến ao cá ông L hỏi việc mua bán cá giống.

Đến khoảng 08 giờ 50 phút cùng ngày L đi Ngng xe mô tô của chị Ng đang dựng, phát hiện dưới cốp yên xe lộ tờ tiền 100.000đồng (tiền Việt Nam) nên nảy sinh ý định lấy trộm, quan sát không có người trông coi, L dùng tay phải cại cốp xe, tay trái lấy cọc tiền trong cốp (không xác định cụ thể bao nhiêu) rồi nhanh chóng cất giấu vào bên trong túi bên phải quần jean màu xanh đang mặc trên người, sau đó đi bộ đến quán nước của chị Đặng Thị L, tại đây L dùng 100.000đồng trong số tiền vừa lấy trộm được mua nước uống và tiêu xài cá nhân hết 100.000đồng. Số tiền còn lại không xác định được cụ thể bao nhiêu được L cất giấu vào bên trong bọc nylong treo trên vách quán của chị L.

Sau khi phát hiện tài sản bị mất trộm, chị Ng đến Công an xã AB A trình bày vụ việc, cùng ngày Lê Vũ L bị giữ trong trường hợp khẩn cấp để điều tra.

Trong quá trình điều tra Lê Vũ L thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên quá trình điều tra, bị cáo Lê Vũ L khai nhận số tiền trộm cắp được bao nhiêu bị cáo không kiểm tra, chỉ xác định tiền có mệnh giá 500.000đồng và 100.000đồng, số tiền trên đã được Cơ quan điều tra tạm giữ tổng cộng là 6.300.000đồng.

***** Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- Tiền Việt Nam 6.300.000đồng. Trong đó thu giữ của Đặng Thị L 100.000 đồng;

- 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Vũ L;

- 01 (một) cái áo sơ mi sọc trắng - đen, tay dài, áo đã qua sử dụng;

- 01 (một) cái quần short Jean màu xanh, đã qua sử dụng;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng;

- Thu giữ của chị Nguyễn Thị Ng 01 xe mô tô hiệu Future mang biển kiểm soát 66H1 - 121.17.

Trong giai đoạn điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại cho bị hại số tiền 6.300.000đồng và 01 xe mô tô hiệu Future mang biển kiểm soát 66H1 – 121.17.

* Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Ng khai nhận tổng số tiền bị mất trộm là 19.000.000 đồng, bị cáo Lê Vũ L khai nhận không xác định được số tiền trộm cắp cụ thể nhưng đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 19.000.000đồng. Hiện bị hại đã nhận đủ số tiền bị cáo bồi thường và có đơn không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo.

Đối với số tiền 100.000 đồng thu giữ của chị Đặng Thị L, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục số tiền trên, chị L đã nhận đủ và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKS-HS, ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Lê Vũ L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại Nguyễn Thị Ng yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Lê Vũ L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ N quyết định truy tố bị cáo Lê Vũ L về tội: "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Vũ L từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Đối với anh Lý Văn N là người đi cùng với L, tuy nhiên anh N đến phụ giúp ông Lý cân cá, việc L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản anh N hoàn toàn không biết, không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự Lý Văn N với vai trò đồng phạm, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

* Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền mà bị cáo Lê Vũ L chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Ng, trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 19.000.000đồng, bị hại đã nhận tiền bồi thưởng xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 100.000đồng Cơ quan điều tra thu giữ của chị Đặng Thị L để trao trả lại cho bị hại; bị cáo đã tự nguyện bồi thường lại cho chị L, chị L đã nhận lại tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

* Về vật chứng vụ án**:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Lê Vũ L các tài sản:

- 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Vũ L;

- 01 (một) cái áo sơ mi sọc trắng - đen, tay dài, áo đã qua sử dụng;

- 01 (một) cái quần short Jean màu xanh, đã qua sử dụng;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng.

Vì các tài sản trên không L quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Lê Vũ L thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Lê Vũ L là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu

cầu của bản thân, lợi dụng sự thiếu quản lý tài sản của bị hại Nguyễn Thị Ng bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tiền của bị hại nhằm mục đích tiêu xài cá nhân.

Theo trình bày của bị hại Nguyễn Thị Ng, số tiền bị chiếm đoạt là 19.000.000đồng, bị cáo Lê Vũ L thừa nhận chỉ trộm của bị hại số tiền 6.300.000đồng và số tiền khi Cơ quan điều tra thu giữ là đúng số lượng tiền mà bị cáo thừa nhận chiếm đoạt của bị hại. Xét thấy, mặc dù bị hại khai là số tiền bị mất là 19.000.000đồng, bị cáo chỉ thừa nhận trộm của chị Ng 6.300.000đồng, nhưng trong giai đoạn điều tra, bị cáo củng đã tự nguyện bồi thường cho chị Ng số tiền 19.000.000đồng; Áp dụng N tắc có lợi cho bị cáo, nên chấp nhận lời thừa nhận của bị cáo về số tiền bị cáo chiếm đoạt là 6.300.000đồng để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Lê Vũ L đã phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"

Tội phạm mà bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hiện nay tình hình trộm cắp trên cả nước nói chung và trên địa bàn thị xã HN nói riêng xãy ra ngày càng nhiều với thủ đoạn hết sức tinh vi. Nhằm để ổn định trật tự trị an ở địa phương, góp phần vào công cuộc phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i) ; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình (điểm s); đã tự nguyện khắc phục xong hậu quả do hành vi phạm tội mà mình gây ra (điểm b); và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự : bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[4] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

[5] Đối với anh Lý Văn N là người đi cùng với L, tuy nhiên anh N đến phụ giúp ông Lý cân cá, việc L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản anh N hoàn toàn không biết, không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với Lý Văn N với vai trò đồng phạm, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền mà bị cáo Lê Vũ L chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Ng, trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 19.000.000đồng, bị hại đã nhận tiền bồi thưởng xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với số tiền 100.000đồng Cơ quan điều tra thu giữ của chị Đặng Thị L để trao trả lại cho bị hại; bị cáo đã tự nguyện bồi thường lại cho chị L, chị L đã nhận lại tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án và tài sản tạm giữ : Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- Tiền Việt Nam 6.300.000 đồng.Trong đó thu giữ của Đặng Thị L 100.000 đồng;

- 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Vũ L;

- 01 (một) cái áo sơ mi sọc trắng - đen, tay dài, áo đã qua sử dụng;

- 01 (một) cái quần short Jean màu xanh, đã qua sử dụng;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Future mang biển kiểm soát 66H1 - 121.17.

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Ng số tiền 6.300.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Future mang biển kiểm soát 66H1 – 121.17. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa không phát sinh gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

* Đối với các tài sản, gồm:

- 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Vũ L;

- 01 (một) cái áo sơ mi sọc trắng - đen, tay dài, áo đã qua sử dụng;

- 01 (một) cái quần short Jean màu xanh, đã qua sử dụng;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng;

Xét thấy các tài sản trên không L quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo Lê Vũ L là phù hợp pháp luật.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm**:** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Vũ L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Lê Vũ L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù và được trừ đi thời gian tạm giữ (từ ngày 01/7/2019 đến ngày 06/7/2019).

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Lê Vũ L những tài sản sau:

+ 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Vũ L;

+ 01 (một) cái áo sơ mi sọc trắng - đen, tay dài, áo đã qua sử dụng;

+ 01 (một) cái quần short Jean màu xanh, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng.

(Tất cả các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự thị xã HN đang quản lý).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Vũ L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/10/2019).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã HN;
- Nhà tạm giữ Công an TX. HN;
- Cơ quan điều tra Công an TX. HN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thống